

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 29/5/2026

V/v: "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các Thẩm phán: Ông Hà Quang Huy và bà Lê Thị Hồng Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**

Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2026/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2026/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị T, sinh ngày 19/3/1990.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường Quyết T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 53, phường Phan Đình P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 22/12/1989.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, phường Quyết T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 53, phường Phan Đình P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 345/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn: Anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Tuệ Minh T2, sinh ngày 28/08/2016 và cháu Nguyễn Đức T3, sinh ngày 30/08/2017.

- Về quyền thăm nom con chung: Chị T có quyền đi thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị T có quyền xin thay đổi nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, anh T1 gây khó khăn cho chị trong việc đưa đón con đi chơi khi anh T1 đi trực không có nhà, con chung của anh chị là cháu T2 và cháu T3 xin được ngủ với chị thì anh T1 nhiều lần không đồng ý, quát mắng các cháu gây khó dễ nên các cháu phải ngủ với gia sư khi anh T1 vắng nhà. Chị xác định khi ly hôn với anh T1, vì không muốn các cháu bị tách nhau để hai cháu có chị, có em. Nên quyết định để cho anh T1 nuôi cả hai cháu, tuy nhiên sau khi ly hôn anh T1 luôn gây khó khăn và muốn chia rẽ tình cảm giữa chị và các con và nói những điều tiêu cực không tốt với các cháu. Việc anh T1 gây khó khăn cho chị trong việc thăm nom con chung là vi phạm pháp luật, đã được ghi rõ trong Quyết định thuận tình ly hôn số 345/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19/08/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Vì vậy, chị đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuệ Minh T2, sinh ngày 28/08/2016, để cháu Nguyễn Đức T3 sinh ngày 30/08/2017 cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 345/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã công nhận về việc thuận tình ly hôn giữa anh với chị Ngô Thị T.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận anh được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Minh T2, sinh 28/8/2016 và cháu Nguyễn Đức T3, sinh 30/8/2017.

Sau khi ly hôn thì anh vẫn cho chị Ngô Thị T được chăm sóc cháu T2 và cháu T3. Việc chị T nói anh không cho chị đón cháu T2, cháu T3 về ngủ hàng đêm với chị T là không đúng, vì mỗi tháng anh vẫn cho hai cháu về ngủ với mẹ khoảng 5 đến 6 tối. Việc chị T thường xuyên xin anh cho các cháu về ngủ với chị T hàng đêm sẽ làm ảnh hưởng đến việc học của các cháu ngày hôm sau. Ngoài ra, khi các cháu ốm thì chị T không chăm sóc các cháu, bỏ đi làm việc ở xa, chị T hiện nay còn nợ tiền bên ngoài xã hội rất nhiều. Chị T không chu cấp tiền nuôi con chung hàng tháng với anh. Việc chị T làm đơn xin thay đổi nuôi con chung

tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên với lý do anh gây khó khăn, chia rẽ tình cảm mẹ con là không đúng. Vì anh vẫn thường xuyên cho các cháu được đi chơi với mẹ, chỉ riêng việc cho các cháu sang ngủ chung hàng đêm với mẹ là không được vì ảnh hưởng đến việc học của các cháu.

Chị T xin được nuôi cháu Nguyễn Tuệ Minh T2 anh không đồng ý với lý do chị không thường xuyên dành thời gian chăm sóc các con; chị T không đủ trình độ học vấn để dạy con. Anh hiện có việc làm ổn định, có trình độ học vấn, do đó anh không nhất trí với ý kiến của chị T về việc chị xin được nuôi cháu Nguyễn Tuệ Minh T2.

Bản án số 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T.

Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

- Giao cháu Nguyễn Tuệ Minh T2, sinh ngày 28/8/2016 cho chị Ngô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Văn T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/3/2026, anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo bản án với lý do: Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét hết tài liệu, chứng cứ, không lấy ý kiến của 02 con chung của anh và chị T, xem xét nguyện vọng 02 con muốn ở với ai. Chị T không chứng minh được công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo kinh tế nuôi con. Trong khi đó anh là công chức nhà nước, có thu nhập ổn định và có trình độ văn hóa để nuôi dạy 02 cháu. Kèm theo đơn kháng cáo là đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuệ Minh T2, Nguyễn Đức T3 và sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/01/2026 đến ngày 06/3/2026 của Nguyễn Văn T1 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Ngày 26/3/2026, anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo bổ sung, kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn”. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, anh cho rằng chị T không dành thời gian để nuôi con, nuôi con không

tốt, không có việc làm ổn định, từ khi ly hôn chị T không đóng góp tiền nuôi con, ngoài ra các con chung của anh chị có nguyện vọng ở với anh.

Nguyên đơn chị Ngô Thị T: Không đồng ý với kháng cáo và lời trình bày của anh T1. Chị có công việc ổn định, tại cấp phúc thẩm, chị nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, theo đó chị là Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần năng lượng sinh học Quang Minh, chị có thu nhập hàng tháng từ 40 – 50 triệu đồng, có nơi ở ổn định ở tổ 53, phường Phan Đình P, tỉnh Thái Nguyên. Chị T cho rằng sau khi ly hôn, anh T1 gây khó khăn cho chị trong việc đưa đón các con đi chơi và muốn chia rẽ tình cảm giữa chị và các con, nói những điều tiêu cực không tốt với các cháu. Khi anh T1 đi trực không có nhà, con chung của anh chị là cháu T2 và cháu T3 xin được ngủ với chị thì anh T1 nhiều lần không đồng ý, quát mắng các cháu gây khó dễ nên các cháu phải ngủ với gia sư khi anh T1 vắng nhà. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên. Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến người kháng cáo, nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Cả chị T và anh T1 đều ở độ tuổi lao động, có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định. Con chung của anh chị đang ở độ tuổi ăn học, hình thành nhân cách, cần có sự quan tâm, chăm sóc đầy đủ cả về thể chất và tinh thần. Việc anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của anh chị sẽ gây khó khăn không nhỏ đối với anh T1. Bên cạnh đó, thời gian mà anh T1 dành để chăm sóc, giáo dục cả 02 con cũng không thể tốt bằng việc anh, chị mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc 01

con. Để bảo đảm tốt nhất cho con chung của anh chị được chăm sóc đầy đủ cả về thể chất và tinh thần. Chị T có đơn yêu cầu xin được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam là cần thiết.

Theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“...2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

...b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm các con chung của anh chị là cháu Nguyễn Tuệ Minh T2 và Nguyễn Đức T3 (trên 7 tuổi) đều có nguyện vọng ở với mẹ là chị Ngô Thị T.

Tại cấp phúc thẩm anh T1 có cung cấp đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuệ Minh T2 và Nguyễn Đức T3 (trên 7 tuổi), cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Văn T1.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ghi nhận ý kiến của con từ đủ 07 tuổi trở lên là một trong những căn cứ để xem xét khi quyết định người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, nguyện vọng của con không phải là căn cứ duy nhất và có tính chất quyết định, mà cần được xem xét trong mối tương quan với các điều kiện thực tế về vật chất, tinh thần, môi trường sống, khả năng trực tiếp chăm sóc, giáo dục của cha mẹ và quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên.

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng nguyện vọng của các cháu tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm không thống nhất, thể hiện sự thay đổi trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không thể chỉ căn cứ vào ý kiến được ghi nhận tại một thời điểm để làm cơ sở duy nhất quyết định việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng mà phải xem xét toàn diện các điều kiện nuôi con của cả cha và mẹ.

Xét điều kiện thực tế của các bên cho thấy chị Ngô Thị T có nơi cư trú ổn định, có nguyện vọng và điều kiện trực tiếp chăm sóc con; cháu Nguyễn Tuệ Minh T2 là cháu gái, đang trong độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần có sự quan tâm, chăm sóc, định hướng từ người mẹ. Trong khi đó, anh Nguyễn Văn T1 do tính chất công việc thường xuyên phải đi làm, vắng nhà vào buổi tối nên việc trực tiếp chăm sóc con có những hạn chế nhất định.

Vì vậy, mặc dù tại cấp phúc thẩm các cháu có thay đổi nguyện vọng, nhưng xét tổng thể các điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên thì việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, giao cháu Nguyễn Tuệ Minh T2 cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3.] Tại cấp phúc thẩm anh T1 cung cấp bảng sao kê chi tiết tài khoản của anh để chứng minh thu nhập và 02 đơn trình bày nguyện vọng của 02 con chung đã được nhận định ở trên. Ngoài ra, anh T1 không cung cấp thêm được bất cứ tài liệu nào chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo anh T1, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 không được chấp nhận. Do vậy, anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án dân sự phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1; Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001289 ngày 02/4/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 1 – Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS khu vực 1 – Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Hoàng Văn Giang**

